TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/**2023/HS-ST
Ngày 25 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê M Chiểu.

2. Bà H Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số: 51/2023/TLST - HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hữu Đ**, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1997 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ đã ly hôn và có 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/02/2023 tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đỗ Đức M**, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2002 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Bá H (đã chết) và bà: Trịnh Thị N, sinh năm 1976; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Lù Thị L, sinh năm 2004, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27/12/2017, bị Công an huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản", bằng hình thức cảnh cáo.

- Ngày 15/11/2019, bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại sức khỏe cho người khác", bằng hình thức phạt tiền.

- Ngày 03/01/2020, bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại sức khỏe của người khác", bằng hình thức phạt tiền.

- Ngày 31/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 18 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST. Do bị cáo kháng cáo và sau đó rút đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm theo Quyết định số 322/2020/HSPT-QĐ ngày 24/11/2020 (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án).

- Ngày 24/4/2021, bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Ném đá vào nhà người khác", bằng hình thức phạt tiền.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/3/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2001 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2023 đến ngày 12/5/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Trịnh Hữu N**, sinh ngày 04 tháng 6 năm 1994 tại Thị trấn A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Khu phố B, Thị trấn A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Hữu H (đã chết) và bà: Trịnh Thị H, sinh năm 1975; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 14/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án hình sự sơ thẩm số 14/2012/HSST (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án);

- Ngày 06/7/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án hình sự sơ thẩm số

37/2016/HSST (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án);

- Ngày 10/11/2020, bị Công an huyện V, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại sức khỏe của người khác", bằng hình thức phạt tiền (Bị cáo đã nộp tiền phạt xong ngày 17/11/2020);

- Ngày 04/8/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 năm tù về tội "Giết người" (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2022 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 26/LB-CSĐT ngày 20/9/2022 của Công an huyện Yên Định trong vụ án "Giết người". Hiện nay bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Huy M**, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1990 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Huy B, sinh năm 1959 và bà: Lê Thị V, sinh năm 1960; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Trịnh Thị G, sinh năm 1995; Có 02 con, con lớn sinh năm 2018 và con nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/02/2023 đến ngày 08/03/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1995 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1961 và bà: Trịnh Thị L, sinh năm 1974; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án

- Ngày 31/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 24 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST (Ngày 28/01/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt).

Nhân thân:

- Ngày 05/11/2016, bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại sức khỏe của người khác", bằng hình thức phạt tiền;

- Ngày 10/12/2018, bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại sức khỏe cho người khác", bằng hình thức phạt tiền.

- Ngày 11/02/2020, bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh nhau", bằng hình thức phạt tiền.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2023 đến ngày 14/4/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Trịnh Ngọc Đ**, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1994 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Ngọc L, sinh năm 1965 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1967; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 05/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 42 tháng tù giam về tội "Cướp tài sản" theo bản án hình sự sơ thẩm số 29/2014/HSST (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án).

- Ngày 03/01/2020, bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "xâm phạm sức khỏe cho người khác" bằng hình thức phạt tiền (Bị cáo đã nộp tiền phạt).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/4/2023 đến ngày 12/5/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Nguyễn Văn M**, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1994 tại xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn Tam Đa, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H (đã chết) và bà: Đỗ Thị H, sinh năm 1968; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Có vợ là Phạm Nguyễn Mai T, sinh năm 1999 và chưa có con.

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự.

- Ngày 17/3/2022, bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích", bằng hình thức phạt tiền (Bị cáo đã nộp tiền phạt ngày 20/4/2023).

Nhân thân: Ngày 24/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án hình sự sơ thẩm số 59/2013/HSST (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*:

1. Chị Trịnh Thị G, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T3, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Ngô Thị T, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

3. Anh Trịnh Ngọc S, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

4. Anh Trịnh Đình H, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

5. Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố, Thị trấn A, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

6. Anh Lê Viết H, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

7. Anh Trịnh Ngọc B, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 4, Thị trấn A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

8. Anh H Doãn H, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

9. Anh Vũ Văn H, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

10. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 28/8/2022, Nguyễn Huy M (tức M Viết) cùng vợ là chị Trịnh Thị G và Nguyễn Hữu Đ (tức Đức Đàn) cùng vợ là chị Ngô Thị T và Trịnh Hữu N (tức Mậm tẹng) cùng bán 01 hàng nước ở vị trí trung tâm (trước khu vực sân khấu) trong khu vực Quảng trường Bà Triệu ở khu phố L Yên, Thị trấn A, huyện Yên Định. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Đỗ Đức M (tức M đại bàng), Lê Viết H (sinh năm 1999, ở xã Đ, tức Huy còi), Trịnh Văn Trọng (sinh năm 2000, ở huyện Thọ Xuân, tức Trọng cò), Trịnh Ngọc Đ (tức Đ xa lộ), Trịnh Đình H (sinh năm 1994, ở xã Đ, tức H sẹo), Trịnh Ngọc S (sinh năm 1995, ở xã Đ, tức San bốc), Nguyễn Văn L (tức L Lăng), Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H (tức H Dũng), Trịnh Ngọc B (sinh năm 2001, ở thị trấn A, tức Mậm em) và H Doãn H (sinh năm 1990, ở huyện T, tức Hùng Ali) cùng một số thanh niên khác đến quán nước uống nước. Tại đây, M và H có đứng nói chuyện với nhau về việc giữa M và H đang có mâu thuẫn với nhau trước đó nhưng khi đó hai bên không xảy ra gì thì H vẫn ngồi uống nước, còn M tiếp tục đi bán nước phục vụ như bình thường. Sau đó, trong khi uống nước tại quán thì H gọi Đức lại nói chuyện và hỏi Đức về việc hôm trước Đức có chấn xe em của H nhưng Đức không thừa nhận nên hai bên văng tục, chửi nhau. H dùng tay đấm vào mặt Đức, rồi Đ quàng tay qua cổ ôm Đức, còn M, L và M cùng một số người khác nữa (không xác định được là ai), cùng xông vào dùng tay, chân đánh Đức trong khoảng 2-3 phút thì San, M, N vào can ngăn ôm đẩy nhóm người đánh Đức và kéo Đức ra. Lúc này, Đức bị ngã xuống đất thì nhóm người đánh Đức

dừng lại không đánh Đức nữa và quay sang đánh N. Khi đó M sử dụng một con dao, dạng dao bấm dài khoảng 10-15cm, màu trắng bạc để đánh N, sau đó N bỏ chạy. Về phần Đức, khi Đức bị ngã thì thấy có 01 con dao dài 36cm màu đen, phần lưỡi dài 23cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao rộng nhất 8,5cm (thường dùng để chặt mía, chặt dừa bán hàng) đang ở gần nên cầm lấy dao và chém ngược lên về phía H và nhóm người vừa đánh mình nhưng không trúng ai mà chỉ sượt vào gần chỗ Đ đang đứng thì Đ chửi tục và nói "mi chém tao à". Đồng thời, Đ ôm Đức lại và hô mọi người vào gỡ lấy con dao thì M, L, M và San cùng vào ôm gỡ con dao nhưng chưa được, lúc này M sử dụng 01 con dao, dạng dao bấm dài khoảng 10-15cm, màu trắng bạc dí vào cổ Đức để bắt Đức thả dao ra nhưng Đức vẫn không thả. Sau đó, chị Thương (là vợ Đức) lại xin Đức thả dao ra thì Đức thả dao cho chị Thương cầm. Lúc này, Đ, M cũng thả Đức ra và đi ra lấy xe để chuẩn bị ra về thì M chửi nhóm Đ về việc đến đánh nhau phá quán rồi nhóm Đ chửi lại, M yêu cầu nhóm Đ ở lại nói chuyện thì Đ ở lại nói chuyện với M và khi đó anh Nguyễn Văn N (sinh năm 1984 ở xã Đ, huyện Yên Định, tức Ngân mắm) đến quán nước thấy Đ thì nói "thôi Đ bảo anh em đi về, đừng đánh nhau nữa". Lúc này, N cầm 01 con dao dài khoảng 40 cm màu đen, cán dao bằng gỗ, lưỡi rộng khoảng 04cm chạy lại chém về hướng Đ nhưng không trúng thì bị M, L ôm giữ lại và tước được con dao của N vứt ra. Khi đó, Đ dùng tay tát N vào mặt, L lấy bàn ghế nhựa của quán đập vào người N và tiếp tục dùng tay đấm 5 – 6 cái vào mặt N. Và khi đó M cũng cầm dao bấm xông vào đánh N. Lúc này, M vào can ngăn thì bị M chửi bới, thách thức thì giữa M và M ôm giằng co nhau, M dùng dao đâm sượt vào tay M và lúc này M nhặt được 01 con dao dài khoảng 25-30cm màu đen, cán dao bằng gỗ, lưỡi rộng khoảng 04-05cm và chém liên tiếp 3-4 nhát về phía M, M giơ tay lên đỡ thì đều bị trúng vào tay. Khi đó, Đức cũng giật con dao từ tay chị Thương và chém 02 nhát vào tay M, còn M tiếp tục chém 01 nhát vào nách của M. Khi đó, Đ xông lại chỗ M thì M lùi lại và ngã rơi dao xuống đất, Đ tiếp tục xông lại chỗ M thì bị M nhặt được dao chém 01 nhát vào tay pH. Lúc này, anh Ngân và mọi người hô có Công an đến thì tất cả dừng lại, còn những người bị thương được mọi người đưa đến bệnh viện điều trị (BL số 10, 11, 37-44, 46, 47, 52, 53, 63-70, 72, 76, 77, 86-88, 93, 94, 99-110, 119, 120, 128-133, 146, 147).

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 29/8/2022, trích sao bệnh án và bản ảnh vết thương, xác định Đỗ Đức M bị các thương tích sau: 01 vết thương rách da ở mặt ngoài phần mềm trên cánh tay trái, đã khâu, kích thước dài 7,5cm; 01 vết thương rách da hình chữ C tại vị trí khuỷu tay trái, đã khâu, kích thước dài 8,2cm; 01 vết thương rách da ở mặt ngoài cẳng tay trái, đã khâu, kích thước dài 6cm; 01 vết trầy xước da ở vị trí mặt ngoài cẳng tay trái, kích thước dài 5cm; 01 vết thương rách da tại vị trí dưới nách trái, đã khâu, kích thước dài 5cm; 01 vết thương rách da tại vị

trí dưới nách trái, đã khâu, kích thước dài 5,5cm; 01 vết thương rách da mặt trên khuỷu tay pH, đã khâu, kích thước dài 4cm (BL số 37-44, 46, 47).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 882/2022/TTPY ngày 29/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Đỗ Đức M là 10% (BL số 52, 53).

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 28/8/2022, tóm tắt bệnh án và bản ảnh vết thương, xác định Nguyễn Hữu Đ bị các thương tích sau: 01 vết hằn bầm tím tại vùng ngực pH, kích thước trong diện 4x6,5cm; 01 vết trầy xước da tại vai pH dài 3,5cm; 01 vết xước da tại sau bả vai trái, dài 1,5cm; 01 vết xước da chảy máu tại vị trí sau cánh tay trái, dài 1x1,5cm; 01 vết bầm tím không rõ hình tại vùng bả vai trái, kích thước trong diện 5x7,5cm; 01 vết xước da chảy máu tại vùng sau bắp chân trái, dài 1,5cm; 01 vết rách da dài 0,5cm xung quanh vết sưng nề, kích thước trong diện 1x1,5cm tại lông mày pH; 01 vết bầm tím sưng nề, kích thước 1,5cmx3cm tại vùng đỉnh đầu; 01 vết bầm tím sưng nề trong diện 3,5x5cm tại vùng đầu phía sau bên trái; 01 vết trầy xước da, sưng nề trong diện 2x3,5cm tại vùng thái dương bên trái; 01 vết trầy xước da, kích thước 2,5x3cm tại vùng đầu phía trước; 01 vết sưng bầm tím, kích thước 1,5x2cm tại vùng trấn bên trái (BL số 63-70, 72).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 885/2022/TTPY ngày 29/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Hữu Đ là 05% (BL số 76, 77).

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 29/8/2022 và bản ảnh vết thương, xác định Nguyễn Huy M bị 01 vết thương rách da tại vùng mặt ngoài khuỷu tay trái, kích thước 1,3x0,1cm (BL số 86-88).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 886/2022/TTPY ngày 29/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Huy M là 01% (BL số 93-94).

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 28/8/2022, tóm tắt bệnh án và bản ảnh vết thương, xác định Trịnh Hữu N bị các thương tích sau: 01 vết thương mặt ngoài vùng cổ tay pH, kích thước 2x0,1cm, vết thương đã khâu; 01 vết thương vùng lưng, kích thước 1x0,1cm, vết thương đã khâu; 01 vết sưng nề bầm tím tại vùng trán pH, kích thước 1x2cm; 01 vết bầm tím vùng thái dương bên pH, kích thước 0,2x2cm; 01 vết bầm tím ở vùng thái dương bên pH, kích thước 0,8x0,4cm (BL số 99-110).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 887/2022/TTPY ngày 30/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trịnh Hữu N là 02% (BL số 119-120).

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 29/8/2022, tóm tắt bệnh án và bản ảnh vết thương, xác định Trịnh Ngọc Đ bị 01 vết thương rách da tại vị trí mặt ngoài cẳng tay pH, đã khâu, kích thước dài 5,5cm (BL số 128-133).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1139/2022/TTPY ngày 04/11/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trịnh Ngọc Đ là 02% (BL số 146-147).

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định và các vật chứng đã thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 con dao bằng kim loại, màu đen, có kích thước dài 36cm, có cán bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 23cm, chỗ rộng nhất của dao là 8,5cm, dao đã qua sử dụng; 01 bộ bàn ghế nhựa, màu đỏ;

Các vật chứng đang được bảo quản chờ xử L theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, đối với con dao nhọn dài khoảng 15-20cm, màu trắng bạc; 01 con dao dài khoảng 40cm, màu đen, cán dao bằng gỗ, lưỡi rộng khoảng 04cm và một con dao loại dao phay, dài khoảng 25-30cm, màu đen, cán dao bằng gỗ, lưỡi rộng khoảng 04-05cm. Quá trình điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Trịnh Ngọc Đ yêu cầu Nguyễn Huy M pH bồi thường các chi phí điều trị thương tích do M gây nên, với số tiền là 15.000.000đ. M đã bồi thường đầy đủ số tiền này cho Đ, Đ đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm; Đỗ Đức M cũng yêu cầu M bồi thường các chi phí điều trị vết thương do M gây nên nhưng M chưa bồi thường cho M. Ngoài ra, không còn ai đề nghị, yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Đỗ Đức M và Nguyễn Hữu M đã thống nhất thỏa thuận bồi thường, M bồi thường thiệt hại sức khỏe cho M với số tiền là 10.000.000đ. M đã nhận đầy đủ tiền và không yêu cầu M bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSYĐ ngày 23/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố Nguyễn Hữu Đ, Đỗ Đức M, Nguyễn Văn L, Trịnh Hữu N và Nguyễn Huy M phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo Điểm b Khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc Đ và Nguyễn Văn M phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo Khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Đỗ Đức M, Nguyễn Văn L, Trịnh Hữu N, Nguyễn Huy M, Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc Đ và Nguyễn Văn M cơ bản khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ N quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Đỗ Đức M,

Nguyễn Văn L, Trịnh Hữu N, Nguyễn Huy M, Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc Đ và Nguyễn Văn M phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 318, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 30 tháng đến 33 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/02/2023.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Hữu N từ 27 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 27 tháng đến 30 tháng tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/02/2023 đến ngày 12/5/2023. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 318, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Đức M từ 27 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/3/2023.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 318, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/02/2023 đến ngày 14/4/2023. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 318, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 04 tháng đến 06 tháng tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 318, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huy M từ 24 tháng đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 318, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Huy M cho UBND xã Đ, huyện Yên Định; bị cáo Trịnh Ngọc Đ cho UBND xã Đ, huyện Yên Định quản L giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử L vật chứng: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 36cm, cán dao bằng gỗ màu đen dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 23cm, chỗ rộng nhất của dao dài 8,5cm đã qua sử dụng được bỏ vào hộp bìa cát tông màu xanh, trắng được dán kín giấy niêm phong có chữ ký xác nhận của ông Lê Văn Bằng, bà Đỗ Thị Ánh, ông Nguyễn Công Linh, ông Nguyễn Hữu Tú và được đóng các hình dấu tròn màu đỏ của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa; 01 ghế nhựa nhãn hiệu SONG LONG màu đỏ, loại ghế bốn chân có tựa lưng, cao 67,5cm, phần mặt ghế ngồi có kích thước 34,5cmx36cm, chiều cao mỗi chân ghế là 35cm; 01 bàn nhựa nhãn hiệu SONG LONG, màu đỏ mặt bàn được đánh số 13, bàn có chiều cao là 50cm, mặt bàn có kích thước 50x72,5cm, loại bốn chân, trên mặt bàn cách vị trí số 3 là 16cm, cách góc bàn 4cm là một vết xước chiều dài 12cm. Các vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Đỗ Đức M có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đề nghị đối với các bị cáo là quá nặng, vì các bị cáo cho rằng hành vi của các bị cáo chưa gây thương tích cho ai. Các bị cáo Nguyễn Văn L, Trịnh Hữu N, Nguyễn Huy M, Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc Đ và Nguyễn Văn M thống nhất với quan điểm luận tội và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Đức mong Tòa án xét xử đúng người, đúng tội, còn việc bị cáo làm bị cáo tự chịu; Các bị cáo M, N, M, Đ và H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo mức hình phạt thấp nhất để cải tạo thành công dân tốt; Bị cáo L và M không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Đỗ Đức M, Nguyễn Văn L, Trịnh Hữu N, Nguyễn Huy M, Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc Đ và Nguyễn Văn M khai nhận: Vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 28/8/2022, trong lúc Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc Đ, Nguyễn Văn M, Đỗ Đức M, Nguyễn Văn L cùng với một số người khác uống nước tại quán của Nguyễn Huy M, Nguyễn Hữu Đ và Trịnh Hữu N bán nước trong khu vực Quảng trường Bà Triệu thuộc địa phận khu phố L Yên, Thị trấn A,

huyện Yên Định thì H và Đức có xảy ra mâu thuẫn và đánh nhau. Sau đó dẫn đến hai nhóm chửi bới, lùa đuổi, đánh đập nhau. Cụ thể: Các bị cáo Trịnh Hữu N, Nguyễn Huy M dùng dao; Nguyễn Văn L dùng bàn ghế tham gia đánh nhau; Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc Đ và Nguyễn Văn M dùng tay chân đánh nhau.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ, quá trình điều tra bị cáo khai khi xảy ra mâu thuẫn với H có chửi bới, văng tục với nhau, sau đó dùng dao tham gia đánh nhau, chém 02 nhát vào tay M. Tại phiên tòa, Đức khai khi xảy ra mâu thuẫn với H thì hai bên văng tục, bị cáo bị đánh nên nhặt được con dao chặt dừa vung dao lên chém về phía người đánh mình nhưng không trúng vào ai cả.

Đối với Đỗ Đức M, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, M khai có sử dụng một chùm chìa khóa, trong đó có 01 chiếc chìa khóa xe M (dạng chìa khóa của xe M Wave) dài khoảng 7-8 cm, có phần cán chìa khóa bằng nhựa màu đen và phần chìa bằng kim loại màu trắng bạc, ngoài chìa khóa xe M ra thì còn có khoảng 3-4 chìa nhỏ bằng kim loại (loại chìa khóa Việt Tiệp) để mở và khóa cửa nhà; chùm chìa khóa có 01 vòng tròn bằng kim loại dùng để thâu các chìa khóa lại thành chùm. M có sử dụng chìa khóa để tham gia đánh nhau, dùng dí vào cổ Đức và đâm chọc 1-2 cái vào tay M chứ không pH dùng dao như cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa, người làm chứng chị Trịnh Thị G và các bị cáo M, Đức, N đều thấy M là người dùng dao tham gia đánh nhau.

Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các bị cáo, những người làm chứng và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở đánh giá toàn diện, khách quan tình tiết của vụ án, có căn cứ để kết luận: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Đỗ Đức M, Nguyễn Văn L, Trịnh Hữu N, Nguyễn Huy M dùng các hùng khí đuổi đánh nhau tại Quảng trường Bà Triệu, là Trung tâm văn hóa của huyện, tập trung Đ người, gây mất trật tự trị an, tâm L hoang mang trong quần chúng nhân dân, đã phạm vào tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc Đ và Nguyễn Văn M chỉ dùng tay chân tham gia vào việc đánh nhau, gây rối trật tự công cộng cùng các bị cáo nên đã phạm vào tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định Khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định truy tố bị cáo theo tội danh trên, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Đây là vụ án Gây rối trật tự công cộng có tính chất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo còn gây tổn hại sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, xảy ra tại khu vực trung tâm của Quảng trường Bà Triệu, là nơi tập trung Đ đúc người dân qua lại vui chơi. Khi xảy ra sự việc khoảng 21 giờ, thời điểm này Đ đúc người dân, đặc biệt có nhiều người già, trẻ nhỏ đang tập trung vui

chơi, một số người ngồi uống nước hoảng sợ, pH bỏ chạy làm huyên náo, hoảng loạn, gây tâm L lo lắng, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Để đảm bảo trật tự xã hội, có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung nên cần thiết pH lên mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đánh giá vai trò đồng phạm, các bị cáo phạm tội không có sự phân công bàn bạc từ trước nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Xuất phát từ mâu thuẫn giữa Nguyễn Văn H và Nguyễn Hữu Đ dẫn đến vụ việc hai nhóm đánh nhau, gây rối trật tự công cộng, do đó, Đức và H có vai trò thứ nhất trong vụ án nhưng H chỉ dùng tay chân tham gia đánh nhau, hành vi của H có tính chất ít nghiêm trọng hơn Đức; Đỗ Đức M, Nguyễn Văn L là những người tham gia đánh nhau ngay từ đầu và cùng với Trịnh Hữu N, Nguyễn Huy M là những người sử dụng hung khí khi tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng nên cùng có vai trò thứ hai; Trịnh Ngọc Đ, Nguyễn Văn M tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng ngay từ đầu nhưng không sử dụng hung khí nên có vai trò sau cùng trong vụ án.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Trịnh Hữu N, Đỗ Đức M, Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc Đ và Nguyễn Văn M đều có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về các loại tội phạm khác cũng như bị các cơ quan xử phạt vi phạm hành chính. Riêng các bị cáo Nguyễn Huy M và Nguyễn Văn L có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Văn H đang có tiền án về tội "Gây rối trật tự công cộng", chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" nên pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng các bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Nguyễn Văn L quá trình thẩm vấn tại phiên tòa khai báo quanh co nhưng sau cùng các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên vẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo Đức, L là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Huy M đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, gia đình bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng nên được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trịnh Ngọc Đ sau khi phạm tội và tại ngoại tại địa phương đã tích cực tham gia ủng hộ "Quỹ vì người nghèo", có xác nhận của Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Đình Bình, huyện Yên Định; bị cáo Đỗ Đức M có ông bà ngoại là người có công với cách mạng nên được xem

xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do vậy, căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Đỗ Đức M, Trịnh Hữu N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn M đều có nhân thân xấu, đã từng bị đưa ra xét xử về các hành vi phạm tội khác và đã bị cải tạo tại nơi giam giữ nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục có hành vi phạm tội. Các bị cáo Đức, M và N phạm tội có tính chất nghiêm trọng. Bị cáo N đang bị tạm giam trong vụ án "Giết người" và ngày 04/8/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 năm tù (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật); bị cáo H có 01 tiền án; bị cáo M có 01 tiền sự. Do đó, cần cách ly các bị cáo Đức, M, N, H và M ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo thành công dân tốt. Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cũng cần xem xét đến vị trí vai trò của các bị cáo, quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, các bị cáo H và M phạm tội có tính chất ít nghiêm trọng hơn để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, quá trình điều tra, truy tố đều thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa, bị cáo khai báo quanh co nhưng sau đó bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội có tính chất nghiêm trọng. Căn cứ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo L có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không đủ điều kiện để cho hưởng án treo. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

Đối với bị cáo Nguyễn Huy M, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, xét thấy không cần thiết pH cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Trịnh Ngọc Đ mặc dù có nhân thân xấu nhưng theo quy định pháp luật bị cáo thuộc trường hợp không có án tích và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo lúc ban đầu chỉ có mục đích can ngăn các đối tượng tham gia đánh nhau chứ không có ý định gây rối trật tự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, quá trình

điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn thành khẩn khai báo; trong thời gian tại ngoại tại địa phương bị cáo đã nhận thức rõ được hành vi sai trái của mình, tích cực tham gia ủng hộ "Quỹ vì người nghèo" và được Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Đ, huyện Yên Định xác nhận. Hơn nữa bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ bị cáo đã ly hôn, bị cáo ở cùng với bố không được sự chăm sóc đầy đủ tình thương của cả bố và mẹ. Nay bố bị cáo đang bị "bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính đợt cấp do bội nhiễm". Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo. Do đó, để thể hiện tính chất khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo ở ngoài xã hội nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn M bị tạm giam nên cần được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo.

[5] Đối với Trịnh Ngọc S, quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Hữu Đ trình bày San có hành vi đánh Đức ngay từ đầu, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, San không thừa nhận có hành vi đánh Đức mà San chỉ vào can ngăn. Ngoài lời khai của Đức thì không còn lời khai nào khác. Tại phiên tòa, bị cáo Đức cho rằng lúc đó Đ người nên bị cáo cũng không nhận rõ người đánh mình có pH là San hay không. Do đó, không có cơ sở để xem xét xử L đối với Trịnh Ngọc S.

Đối với hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Đỗ Đức M, Nguyễn Huy M, Trịnh Hữu N, Nguyễn Văn L có hành vi dùng hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho những người khác. Tuy nhiên, với tỉ lệ thương tích đều dưới 11%. Quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử không ai có yêu cầu gì thêm về hành vi gây thương tích nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử L vật chứng: Đối với 01 con dao dài 36cm, cán dao bằng gỗ màu đen dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 23cm, chỗ rộng nhất của dao dài 8,5cm đã qua sử dụng; 01 ghế nhựa nhãn hiệu SONG LONG màu đỏ, loại ghế bốn chân có tựa lưng, cao 67,5cm, phần mặt ghế ngồi có kích thước 34,5cmx36cm, chiều cao mỗi chân ghế là 35cm; 01 bàn nhựa nhãn hiệu SONG LONG, màu đỏ mặt bàn được đánh số 13, bàn có chiều cao là 50cm, mặt bàn có kích thước 50x72,5cm, loại bốn chân, trên mặt bàn cách vị trí số 3 là 16cm, cách góc bàn 4cm là một vết xước chiều dài 12cm là những công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không ai có yêu cầu, đề nghị gì nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, không thuộc trường hợp được miễn án phí nên pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Đỗ Đức M, Nguyễn Văn L, Trịnh Hữu N, Nguyễn Huy M, Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc Đ và Nguyễn Văn M phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 318, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ 30 (*Ba mươi*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/02/2023.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Hữu N 27 (*hai mươi bảy*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 27 (*hai mươi bảy*) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam 03 (*ba*) tháng 05 (*năm*) ngày (từ ngày 07/02/2023 đến ngày 12/5/2023). Bị cáo còn pH chấp hành 23 (*hai mươi ba*) tháng 25 (*hai mươi lăm*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 318, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Đức M 27 (*hai mươi bảy*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/3/2023.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 318, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 09 (*chín*) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam 02 (*hai*) tháng 07 (*bảy*) ngày (từ ngày 07/02/2023 đến ngày 14/4/2023). Bị cáo còn pH chấp hành 06 (*sáu*) tháng 23 (*hai mươi ba*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 318, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 05 (*năm*) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam 23 (*hai mươi ba*) ngày (từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023). Bị cáo còn pH chấp hành 04 (*bốn*) tháng 07 (*bảy*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 318; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huy M 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (*bốn mươi tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 318, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Ngọc Đ 07 (*bảy*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (*mười bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Huy M cho UBND xã Đ, huyện Yên Định; bị cáo Trịnh Ngọc Đ cho UBND xã Đ, huyện Yên Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử L vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 36cm, cán dao bằng gỗ màu đen dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 23cm, chỗ rộng nhất của dao dài 8,5cm đã qua sử dụng được bỏ vào hộp bìa cát tông màu xanh, trắng được dán kín giấy niêm phong có chữ ký xác nhận của ông Lê Văn Bằng, bà Đỗ Thị Ánh, ông Nguyễn Công Linh, ông Nguyễn Hữu Tú và được đóng các hình dấu tròn màu đỏ của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa; 01 ghế nhựa nhãn hiệu SONG LONG màu đỏ, loại ghế bốn chân có tựa lưng, cao 67,5cm, phần mặt ghế ngồi có kích thước 34,5cmx36cm, chiều cao mỗi chân ghế là 35cm; 01 bàn nhựa nhãn hiệu SONG LONG, màu đỏ mặt bàn được đánh số 13, bán có chiều cao là 50cm, mặt bàn có kích thước 50x72,5cm, loại bốn chân, trên mặt bàn cách vị trí số 3 là 16cm, cách góc bàn 4cm là một vết xước chiều dài 12cm.

Các vật chứng trên được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định theo phiếu nhập kho số NK44 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Đỗ Đức M, Nguyễn Văn L, Trịnh Hữu N, Nguyễn Huy M, Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc Đ và Nguyễn Văn M, mỗi bị cáo pH chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người pH thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Bị cáo;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa